

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỐ: 01-IY/LTV/2026

KEM YUKIMI DAIFUKU

2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01-IY/LTV/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0274-3827470

Fax: 0274-3827471

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3700232139

Nhà máy Lotte đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

KEM YUKIMI DAIFUKU

2. Thành phần:

Đường (sản xuất trong nước, sản xuất nước ngoài), siro bắp, bột gạo, sản phẩm sữa (bột sữa tách béo, bơ), dầu thực vật (dầu cọ, dầu dừa), tinh bột bắp, bột lòng trắng trứng (chứa trứng), chất ổn định (INS 1400), siro đường rang, muối, chất nhũ hóa (INS 477, INS 471), chất ổn định (INS 412, INS 410, INS 407), chất làm dày (INS 1404), hương liệu tổng hợp (hương vani, hương sữa), màu thực phẩm tự nhiên (INS 160b(ii), INS 164).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Dạng khay:

- Sản phẩm được đóng gói trong khay, mỗi khay có 2 viên kem.
- Khối lượng tịnh: 66,6 g (33,3 g x 2 viên)
- Thể tích thực: 94 ml (47 ml x 2 viên)

Dạng hộp

- Sản phẩm được đóng gói trong 3 khay, mỗi khay có 3 viên kem. Bên ngoài là hộp giấy
- Khối lượng tịnh: 191,7 g (21,3 g x 9 viên)
- Thể tích thực: 270 ml (30 ml x 9 viên)

4.2. Chất liệu bao bì:

Dạng khay:

- Thân hộp chứa kem: giấy tráng phủ (coated paper) 84.9g/m²/DL/PET12μ/PE 15μ/HM23g/m² (W149 X H89)
- Vành hộp (khay): HIPS 0.43 mm (W147 X D88 X H31.5)

Dạng hộp:

- Nắp khay: PP/PP/PE 0.43 mm chuyên dùng cho thực phẩm.
- Khay: PET 12/DL/LLDPE 25 μ chuyên dùng cho thực phẩm

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Nhật Bản
- Nhà sản xuất: Lotte Co., LTD

Địa chỉ: 3-20-1, Nishi-Shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo, 160-0023 Nhật Bản.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm đính kèm.)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Căn cứ theo thông tư 29/2023/TT - BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT – BYT: Quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2026



TIÊU CHUẨN
KEM YUKIMI DAIFUKU

Số: 01-IY/LTV/2026

1. CHỈ TIÊU CẢM QUAN:

STT	Chỉ tiêu	Mô tả
1	Hình thái	Viên kem hình tròn, đều, bên ngoài lớp vỏ bánh gạo mochi.
2	Trạng thái	Dạng kem đông lạnh, đồng nhất, mịn.
3	Màu sắc	Màu trắng kem.
4	Mùi	Mùi vani và sữa đặc trưng.
5	Vị	Vị ngọt, béo đặc trưng của sữa.
6	Tạp chất	Không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường.

2. CHỈ TIÊU KIM LOẠI NẶNG: Áp dụng QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,5
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	1
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

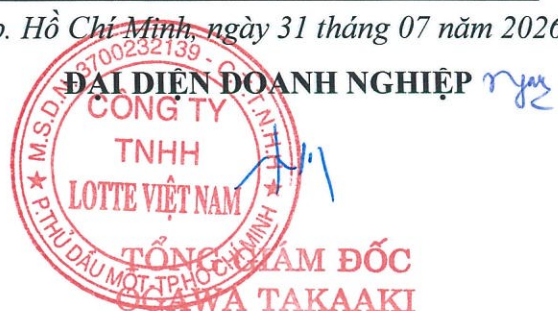
3. CHỈ TIÊU VI SINH: Áp dụng QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
2	<i>Salmonella</i>	/25 g	KPH

4. GIỚI HẠN ĐỘC TỐ VI NẤM TRONG THỰC PHẨM: Áp dụng QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2026



XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG
KEM YUKIMI DAIFUKU

Số: 01-IY/LTV/2026

Bảng tiêu chuẩn dinh dưỡng khay 94 ml (47 ml x 2 viên) – 66,6 g (33,3 g x 2 viên)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Khoảng giá trị dinh dưỡng cho phép 33,3 g	Giá trị dinh dưỡng 33,3 g (trên nhãn phụ)
1	Năng lượng	kcal	66,4 – 99,6	83
2	Chất đạm	g	0,8 – 1,2	1
3	Carbohydrat	g	11,04 – 16,56	13,8
4	Đường tổng số	g	7,65 – 11,47	9,56
5	Chất béo	g	2,08 – 3,12	2,6
6	Natri	mg	11,12 – 16,68	13,9

Bảng tiêu chuẩn dinh dưỡng hộp 270 ml (30 ml x 9 viên) – 191,7 g (21,3 g x 9 viên)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Khoảng giá trị dinh dưỡng cho phép 21,3 g	Giá trị dinh dưỡng 21,3 g (trên nhãn phụ)
1	Năng lượng	kcal	41,6 – 62,4	52
2	Chất đạm	g	0,48 – 0,72	0,6
3	Carbohydrat	g	6,72 – 10,08	8,4
4	Đường tổng số	g	4,89 – 7,33	6,11
5	Chất béo	g	1,44 – 2,16	1,8
6	Natri	mg	7,10 – 10,66	8,88

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

TỔNG GIÁM ĐỐC
OGAWA TAKAAKI

Sản phẩm	KEM YUKIMI DAIFUKU
Hương	-
Loại bao bì	Nhãn phụ sử dụng cho khay
Khối lượng tịnh	94 ml (47 ml x 2 viên) – 66,6 g (33,3 g x 2 viên)

KEM YUKIMI DAIFUKU

Thành phần: Đường (sản xuất trong nước, sản xuất nước ngoài), siro bắp, bột gạo, sản phẩm sữa (bột sữa tách béo, bơ), dầu thực vật (dầu cọ, dầu dừa), tinh bột bắp, bột lòng trắng trứng (chứa trứng), chất ổn định (INS 1400), siro đường rang, muối, chất nhũ hóa (INS 477, INS 471), chất ổn định (INS 412, INS 410, INS 407), chất làm dày (INS 1404), hương liệu tổng hợp (hương vani, hương sữa), màu thực phẩm tự nhiên (INS 160b(ii), INS 164). *Lưu ý: Trong sản phẩm có chứa trứng, sữa. Sản phẩm có thể chứa một lượng nhỏ đậu nành và lúa mì trên cùng dây chuyền sản xuất.*

Thông tin dinh dưỡng trong 33,3 g: Năng lượng: 83 kcal; Chất đạm: 1,0 g; Carbohydrat: 13,8 g; Đường tổng số: 9,56 g; Chất béo: 2,6 g; Natri: 13,9 mg.

Bảo quản: Lạnh $\leq -18^{\circ}\text{C}$. **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng ăn ngay sau khi lấy ra khỏi tủ đông. Cần thận không để nghẹn khi ăn. **Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm:** **CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM** – Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, P. Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. **Điện thoại:** 0274 3827470. **Tư vấn khách hàng:** 028 38479616. **Xuất xứ:** Nhật Bản. **Nhà sản xuất:** Lotte Co., Ltd: 3-20-1, Nishi-Shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo, 160-0023 Nhật Bản.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Thể tích thực: 94 ml (47 ml x 2 viên) **Khối lượng tịnh:** 66,6 g (33,3 g x 2 viên)



Ogawa Takaaki

Phê duyệt
PGDNM

Hồ Thị Kim Ngân

Kiểm tra thiết kế
Marketing

Đinh Nguyễn Ngự Hà

Kiểm tra nội dung
Phòng QA

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Sản phẩm	KEM YUKIMI DAIFUKU
Hương	-
Loại bao bì	Nhãn phụ sử dụng cho hộp
Khối lượng tịnh	270 ml (30 ml x 9 viên) – 191,7 g (21,3 g x 9 viên)

KEM YUKIMI DAIFUKU

Thành phần: Đường (sản xuất trong nước, sản xuất nước ngoài), siro bắp, bột gạo, sản phẩm sữa (bột sữa tách béo, bơ), dầu thực vật (dầu cọ, dầu dừa), tinh bột bắp, bột lòng trắng trứng (chứa trứng), chất ổn định (INS 1400), siro đường rang, muối, chất nhũ hóa (INS 477, INS 471), chất ổn định (INS 412, INS 410, INS 407), chất làm dày (INS 1404), hương liệu tổng hợp (hương vani, hương sữa), màu thực phẩm tự nhiên (INS 160b(ii), INS 164). *Lưu ý: Trong sản phẩm có chứa trứng, sữa. Sản phẩm có thể chứa một lượng nhỏ đậu nành và lúa mì trên cùng dây chuyền sản xuất.*

Thông tin dinh dưỡng trong 21,3 g: Năng lượng: 52 kcal; Chất đạm: 0,6 g; Carbohydrat: 8,4 g; Đường tổng số: 6,11 g; Chất béo: 1,8 g; Natri: 8,88 mg.

Bảo quản: Lạnh $\leq -18^{\circ}\text{C}$. **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng ăn ngay sau khi lấy ra khỏi tủ đông. Cần thận không để nghẹn khi ăn. **Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm:** **CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM** – Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, P. Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. **Điện thoại:** 0274 3827470. **Tư vấn khách hàng:** 028 38479616. **Xuất xứ:** Nhật Bản. **Nhà sản xuất:** Lotte Co., Ltd: 3-20-1, Nishi-Shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo, 160-0023 Nhật Bản.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Thể tích thực: 270 ml (30 ml x 9 viên) – **Khối lượng tịnh:** 191,7 g (21,3 g x 9 viên)

**Mặt sau của hộp có thể cắt dán thành đồ chơi – quét mã QR để biết thêm chi tiết*

(Chú ý: Khi sử dụng kéo, hãy cẩn thận để không bị thương và chơi cùng với người lớn nhé!)



Phê duyệt
TGD

Ogawa Takaaki

Phê duyệt
PGĐNM

Hồ Thị Kim Ngân

Kiểm tra thiết kế
Marketing

Đinh Nguyễn Ngự Hà

Kiểm tra nội dung
Phòng QA

Nguyễn Thị Hồng Tâm

LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	KEM YUKIMI DAIFUKU
Hương	-
Loại bao bì	Khay
Khối lượng tịnh	94 ml (47 ml x 2 viên) – 66,6 g (33,3 g x 2 viên)



Phê duyệt
TGD

Ogawa Takaaki

Phê duyệt
PGĐNM

Hồ Thị Kim Ngân

Kiểm tra thiết kế
Marketing

Đinh Nguyễn Ngự Hà

Kiểm tra nội dung
Phòng QA

Nguyễn Thị Hồng Tâm

LBH: 02

KH : QP-55-14

Sản phẩm	KEM YUKIMI DAIFUKU
Hương	-
Loại bao bì	Khay
Khối lượng tịnh	94 ml (47 ml x 2 viên) – 66,6 g (33,3 g x 2 viên)



LOTTE

雪見だいふく

YUKIMI DAIFUKU

www.lotte.co.jp

4511 6568

卵・乳成分

あけくち



Phê duyệt TNHH LOTTE VIỆT NAM TGD Ogawa Takaaki	Phê duyệt PGĐNM Hồ Thị Kim Ngân	Kiểm tra thiết kế Marketing Đinh Nguyễn Ngự Hà	Kiểm tra nội dung Phòng QA Nguyễn Thị Hồng Tâm
---	---------------------------------------	--	--

LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	KEM YUKIMI DAIFUKU
Hương	-
Loại bao bì	Hộp
Khối lượng tịnh	270 ml (30 ml x 9 viên) – 191,7 g (21,3 g x 9 viên)



Phê duyệt
TGD

Ogawa Takaaki

Phê duyệt
PGĐNM

Hồ Thị Kim Ngân

Kiểm tra thiết kế
Marketing

Đinh Nguyễn Ngự Hà

Kiểm tra nội dung
Phòng QA

Nguyễn Thị Hồng Tâm

LBH: 02

KH : QP-55-14

LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	KEM YUKIMI DAIFUKU
Hương	-
Loại bao bì	Hộp
Khối lượng tịnh	270 ml (30 ml x 9 viên) – 191,7 g (21,3 g x 9 viên)



Phê duyệt
PGD

Ogawa Takaaki

Phê duyệt
PGĐNM

Hồ Thị Kim Ngân

Kiểm tra thiết kế
Marketing

Đinh Nguyễn Ngự Hà

Kiểm tra nội dung
Phòng QA

Nguyễn Thị Hồng Tâm

LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	KEM YUKIMI DAIFUKU
Hương	-
Loại bao bì	Hộp
Khối lượng tịnh	270 ml (30 ml x 9 viên) – 191,7 g (21,3 g x 9 viên)



Phê duyệt
TGD

Ogawa Takaaki

Phê duyệt
PGĐNM

Hồ Thị Kim Ngân

Kiểm tra thiết kế
Marketing

Đinh Nguyễn Ngự Hà

Kiểm tra nội dung
Phòng QA

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Q326A005445
(TPTN26000923.01.1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/02/2026
Page 01/04

- Tên mẫu
Name of sample : KEM YUKIMI DAIFUKU
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 15/01/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 16/01/2026 - 10/02/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM
Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02-04/04

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

Q326A005445
(TPTN26000923.01.1)

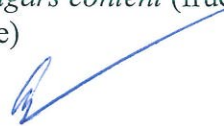
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/02/2026
Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng/ <i>Calories</i> ^(*)	QTTN/KT3 024:2018			
• kcal/100 g			-	254
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g <i>Protein content</i>	QUATEST3 1057:2023 Kjeldahl method		-	2,72
7.3. Hàm lượng carbohydrat không bao gồm chất xơ, g/100 g <i>Carbohydrate excluding fibre content</i>	AOAC 2020.07		-	45,4
7.4. Hàm lượng đường tổng số ⁽²⁾ , g/100 g <i>Total sugars content</i>	QUATEST3 1124:2023	-		28,7
7.5. Hàm lượng chất béo, g/100 g <i>Total fat content</i>	QUATEST3 1056:2023 (Có thủy phân)		-	6,89
7.6. Hàm lượng natri, mg/100 g <i>Sodium content</i>	QUATEST3 1111:2023 (Ref: AOAC 969.23)	-		41,7

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*
(2): Hàm lượng đường tổng số / *Total sugars content* (fructose + glucose + sacaroza +
maltose + lactose +xylose + galactose)



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A005445
 (TPTN26000923.01.1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026
 Page 03/04

8. Dữ liệu về dinh dưỡng (theo yêu cầu của khách hàng)
Nutrition Facts (as client's requirement)
 Thông tư số 29/2023/TT-BYT

Thành phần dinh dưỡng (Nutrition Facts)		
Thành phần dinh dưỡng trong 21,3 g (Nutrition facts per 21,3 g)		
		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	54,1 kcal	2,71 %
Protein	0,58 g	1,16 %
Carbohydrat (Carbohydrate)	9,67 g	2,98 %
Đường tổng số (Total sugars)	6,11 g	
Chất béo (Total Fat)	1,47 g	2,63 %
Natri (Sodium)	8,88 mg	0,44 %

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A005445
 (TPTN26000923.01.1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026
 Page 04/04

8. Dữ liệu về dinh dưỡng (theo yêu cầu của khách hàng)
Nutrition Facts (as client's requirement)
 Thông tư số 29/2023/TT-BYT

Thành phần dinh dưỡng (Nutrition Facts)		
Thành phần dinh dưỡng trong 33,3 g (Nutrition facts per 33,3 g)		
		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	84,6 kcal	4,23 %
Protein	0,91 g	1,82 %
Carbohydrat (Carbohydrate)	15,1 g	4,65 %
Đường tổng số (Total sugars)	9,56 g	
Chất béo (Total Fat)	2,29 g	4,09 %
Natri (Sodium)	13,9 mg	0,70 %

Q326A005445
(TPTN26000923.01.2)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/02/2026
Page 01/02

- Tên mẫu
Name of sample : KEM YUKIMI DAIFUKU
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 15/01/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 16/01/2026 - 10/02/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM
Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Thủ Dầu Một,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02/02*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

Q326A005445
(TPTN26000923.01.2)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/02/2026
Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm Test results

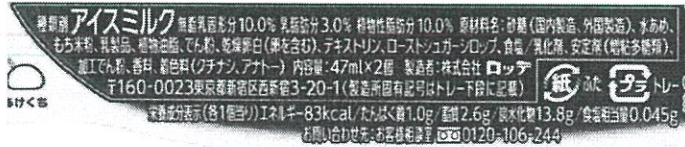
Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement ($\geq$)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng arsen tổng số, Total arsenic content	mg/kg TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.2. Hàm lượng chì, Lead content	mg/kg QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	mg/kg QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	mg/kg QUATEST3 1095:2023 (Ref: AOAC 971.21)	$1,50 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng aflatoxin M1, Aflatoxin M1 content	$\mu\text{g/kg}$ QUATEST3 1179:2023	0,02		Không phát hiện Not detected
7.6. Hàm lượng melamin, Melamine content	mg/kg QUATEST3 1160:2023 (Ref: TCVN 9048:2012)	0,10		Không phát hiện Not detected
7.7. Enterobacteriaceae,	CFU/g ISO 21528-2 : 2017	-		Nhỏ hơn $10^{(1)}$ Less than
7.8. Salmonella spp/ 25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện Not detected

Ghi chú/ Notes:

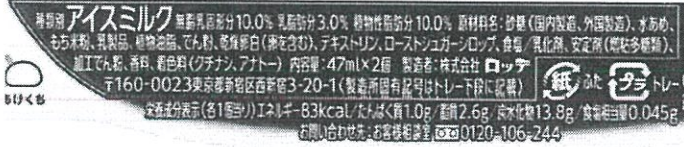
(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.



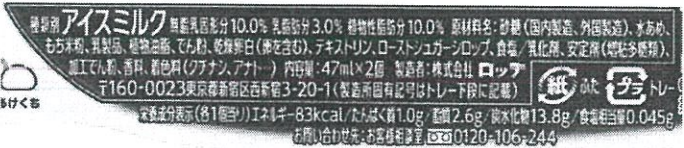
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Tên sản phẩm	KEM YUKIMI DAIFUKU
	LOTTE YUKIMI DAIFUKU Trái tim tròn đầy Hình ảnh minh họa <Yêu cầu đông lạnh> Bảo quản dưới -18°C • Xin hãy cẩn thận để không bị nghẹn khi ăn. • Sản phẩm này không kèm theo nĩa. www.lotte.co.jp 45116568
	45116568 Chất gây dị ứng có trong nguyên liệu (trong số 28 danh mục): Trứng, Thành phần sữa. Sản phẩm này được sản xuất trên cùng thiết bị với các sản phẩm có chứa lúa mì và đậu nành. Đường mở
	Phân loại sản phẩm: Kem sữa Hàm lượng chất khô sữa không béo: 10.0% Hàm lượng chất béo sữa: 3.0% Hàm lượng chất béo thực vật: 10.0% Thành phần: Đường (sản xuất trong nước, sản xuất nước ngoài), siro, bột gạo nếp, chế phẩm sữa, dầu thực vật, tinh bột, lòng trắng trứng khô (chứa trứng), dextrin, siro đường nướng, muối ăn/ chất nhũ hóa, chất ổn định (chất làm đặc polysaccharide), tinh bột biến tính, hương liệu, chất tạo màu (gardenia, annatto) Khối lượng: 47ml x 2 viên SẢN XUẤT BỞI LOTTE CO., LTD. 20-1, NISHI-SHINJUKU 3 CHOME, SHINJUKU-KU, TOKYO 160-0023, NHẬT BẢN Thông tin dinh dưỡng (trong 1 viên) Năng lượng 83kcal/ Đạm 1.0g/ Chất béo 2.6g/ Cacbohydrate 13.8g/ Muối 0.045g Thông tin liên hệ: Phòng tư vấn khách hàng 0120-106-244

Chợ

Tên sản phẩm	KEM YUKIMI DAIFUKU
	LOTTE YUKIMI DAIFUKU Trái tim tròn đầy Hình ảnh minh họa <Yêu cầu đông lạnh> Bảo quản dưới -18°C • Xin hãy cẩn thận để không bị nghẹn khi ăn. • Sản phẩm này không kèm theo nĩa. www.lotte.co.jp 45116568
	45116568 Chất gây dị ứng có trong nguyên liệu (trong số 28 danh mục): Trứng, Thành phần sữa. Sản phẩm này được sản xuất trên cùng thiết bị với các sản phẩm có chứa lúa mì và đậu nành. Đường mờ
	Phân loại sản phẩm: Kem sữa Hàm lượng chất khô sữa không béo: 10.0% Hàm lượng chất béo sữa: 3.0% Hàm lượng chất béo thực vật: 10.0% Thành phần. Đường (sản xuất trong nước, sản xuất nước ngoài), siro, bột gạo nếp, chế phẩm sữa, dầu thực vật, tinh bột, lòng trắng trứng khô (chứa trứng), dextrin, siro đường nướng, muối ăn/ chất nhũ hóa, chất ổn định (chất làm đặc polysaccharide), tinh bột biến tính, hương liệu, chất tạo màu (gardenia, annatto) Khối lượng: 47ml x 2 viên SẢN XUẤT BỞI LOTTE CO., LTD. 20-1, NISHI-SHINJUKU 3 CHOME, SHINJUKU-KU, TOKYO 160-0023, NHẬT BẢN Thông tin dinh dưỡng (trong 1 viên) Năng lượng 83kcal/ Đạm 1.0g/ Chất béo 2.6g/ Cacbohydrate 13.8/ Muối 0.045g Thông tin liên hệ: Phòng tư vấn khách hàng 0120-106-244

Tên sản phẩm	KEM YUKIMI DAIFUKU
--------------	--------------------

	LOTTE YUKIMI DAIFUKU Trái tim tròn đầy Hình ảnh minh họa <Yêu cầu đông lạnh> Bảo quản dưới -18°C • Xin hãy cẩn thận để không bị nghẹn khi ăn. • Sản phẩm này không kèm theo nĩa. www.lotte.co.jp 45116568
	45116568 Chất gây dị ứng có trong nguyên liệu (trong số 28 danh mục): Trứng, Thành phần sữa. Sản phẩm này được sản xuất trên cùng thiết bị với các sản phẩm có chứa lúa mì và đậu nành. Đường mờ
	Phân loại sản phẩm: Kem sữa Hàm lượng chất khô sữa không béo: 10.0% Hàm lượng chất béo sữa: 3.0% Hàm lượng chất béo thực vật: 10.0% Thành phần: Đường (sản xuất trong nước, sản xuất nước ngoài), siro, bột gạo nếp, chế phẩm sữa, dầu thực vật, tinh bột, lòng trắng trứng khô (chứa trứng), dextrin, siro đường nướng, muối ăn/ chất nhũ hóa, chất ổn định (chất làm đặc polysaccharide), tinh bột biến tính, hương liệu, chất tạo màu (gardenia, annatto) Khối lượng: 47ml x 2 viên SẢN XUẤT BỞI LOTTE CO., LTD. 20-1, NISHI-SHINJUKU 3 CHOME, SHINJUKU-KU, TOKYO 160-0023, NHẬT BẢN Thông tin dinh dưỡng (trong 1 viên) Năng lượng 83kcal/ Đạm 1.0g/ Chất béo 2.6g/ Cacbonhydrate 13.8/ Muối 0.045g Thông tin liên hệ: Phòng tư vấn khách hàng 0120-106-244

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM
Trưởng phòng tài chính
KATAYAMA SAEKA
(Đã ký & đóng dấu)

Chữ ký

Tôi, Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/08/2021; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Nhật sang tiếng Việt.

Ngày 24 tháng 07 năm 2026
Người dịch ký và ghi rõ họ tên

Cao

Cao Thị Hạnh

Ngày 24 tháng 07 năm 2026 (Bằng chữ: ngày hai mươi tư tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Vũ Mạnh Hùng* là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Bà Cao Thị Hạnh là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 03 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 04 tờ, 04 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 106859 Quyền số: 01/2026 - SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu
CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Mạnh Hùng

LOTTE

雪見だいふく

写真はいまージュです。

（要冷蔵）-18℃以下で保存
●お召し上りの際は必ずお召し上りの要領に準じてください。

無糖アイスミルク 無糖乳固形分10.0% 乳脂肪分3.0% 植物性脂肪分10.0% 原材料名：砂糖（国内製造、外国製造）、水あめ、もち米粉、乳製品、植物油脂、でんぷん、乾燥卵白（卵を含む）、デキストリン、ローズシロップ、食塩、乳化剤、安定剤（増粘多糖類）、加工でんぷん、香料、着色料（チナシン、アムラー） 内容量：47ml×2個 製造者：株式会社 ロッテ
〒160-0023東京都新宿区西新宿3-20-1（製造所固有記号はトレー下部に記載）

栄養成分表示（81個入り）エネルギー83kcal/たんぱく質1.0g/脂肪2.6g/炭水化物13.8g/食塩相当量0.045g
お問い合わせ先：お客様相談室 ☎0120-106-244

YUKIMI DAIFUKU www.lotte.co.jp

4511 6568

原材料に含まれるアレルギー
物質（28品目）

卵・乳成分

原材料に含まれるアレルギー
物質（28品目）

卵・乳成分

原材料に含まれるアレルギー
物質（28品目）

卵・乳成分

LOTTE

雪見だいふく

写真はいまージュです。

（要冷蔵）-18℃以下で保存
●お召し上りの際は必ずお召し上りの要領に準じてください。

無糖アイスミルク 無糖乳固形分10.0% 乳脂肪分3.0% 植物性脂肪分10.0% 原材料名：砂糖（国内製造、外国製造）、水あめ、もち米粉、乳製品、植物油脂、でんぷん、乾燥卵白（卵を含む）、デキストリン、ローズシロップ、食塩、乳化剤、安定剤（増粘多糖類）、加工でんぷん、香料、着色料（チナシン、アムラー） 内容量：47ml×2個 製造者：株式会社 ロッテ
〒160-0023東京都新宿区西新宿3-20-1（製造所固有記号はトレー下部に記載）

栄養成分表示（81個入り）エネルギー83kcal/たんぱく質1.0g/脂肪2.6g/炭水化物13.8g/食塩相当量0.045g
お問い合わせ先：お客様相談室 ☎0120-106-244

YUKIMI DAIFUKU www.lotte.co.jp

4511 6568

原材料に含まれるアレルギー
物質（28品目）

卵・乳成分

原材料に含まれるアレルギー
物質（28品目）

卵・乳成分

原材料に含まれるアレルギー
物質（28品目）

卵・乳成分

LOTTE

雪見だいふく

写真はいまージュです。

（要冷蔵）-18℃以下で保存
●お召し上りの際は必ずお召し上りの要領に準じてください。

無糖アイスミルク 無糖乳固形分10.0% 乳脂肪分3.0% 植物性脂肪分10.0% 原材料名：砂糖（国内製造、外国製造）、水あめ、もち米粉、乳製品、植物油脂、でんぷん、乾燥卵白（卵を含む）、デキストリン、ローズシロップ、食塩、乳化剤、安定剤（増粘多糖類）、加工でんぷん、香料、着色料（チナシン、アムラー） 内容量：47ml×2個 製造者：株式会社 ロッテ
〒160-0023東京都新宿区西新宿3-20-1（製造所固有記号はトレー下部に記載）

栄養成分表示（81個入り）エネルギー83kcal/たんぱく質1.0g/脂肪2.6g/炭水化物13.8g/食塩相当量0.045g
お問い合わせ先：お客様相談室 ☎0120-106-244

YUKIMI DAIFUKU www.lotte.co.jp

4511 6568

原材料に含まれるアレルギー
物質（28品目）

卵・乳成分

原材料に含まれるアレルギー
物質（28品目）

卵・乳成分

原材料に含まれるアレルギー
物質（28品目）

卵・乳成分

LOTTE

雪見だいふく

写真はいまージュです。

（要冷蔵）-18℃以下で保存
●お召し上りの際は必ずお召し上りの要領に準じてください。

無糖アイスミルク 無糖乳固形分10.0% 乳脂肪分3.0% 植物性脂肪分10.0% 原材料名：砂糖（国内製造、外国製造）、水あめ、もち米粉、乳製品、植物油脂、でんぷん、乾燥卵白（卵を含む）、デキストリン、ローズシロップ、食塩、乳化剤、安定剤（増粘多糖類）、加工でんぷん、香料、着色料（チナシン、アムラー） 内容量：47ml×2個 製造者：株式会社 ロッテ
〒160-0023東京都新宿区西新宿3-20-1（製造所固有記号はトレー下部に記載）

栄養成分表示（81個入り）エネルギー83kcal/たんぱく質1.0g/脂肪2.6g/炭水化物13.8g/食塩相当量0.045g
お問い合わせ先：お客様相談室 ☎0120-106-244

YUKIMI DAIFUKU www.lotte.co.jp

4511 6568

原材料に含まれるアレルギー
物質（28品目）

卵・乳成分

原材料に含まれるアレルギー
物質（28品目）

卵・乳成分

原材料に含まれるアレルギー
物質（28品目）

卵・乳成分



LOTTE YAMA SAKURA



Mini Lotte
Yukimi Daifuku

Tròn đầy cả tâm hồn

3 viên x 3 vỉ

Sữa kem (Ice Milk)

Gói thủ công thủ vị

Gói chia sẻ - Tiện lợi cho mọi người



LOTTE

Mini Yukimi Daifuku



4 953823 080543



製造所固有記号はこの面の右下段に記載

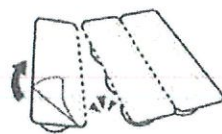


<Yêu cầu đông lạnh> Bảo quản dưới -18°C
Mã số định danh nơi sản xuất được ghi ở phía dưới bên phải của mặt này.

Mã vạch
4953823080543

Hộp giấy bên ngoài được làm từ giấy tái chế.

●商品が取り出しやすいようにトレイをやわらかくしています。●トレイを切り離すときや切り離した後、切り口で手を切らないようにご注意ください。●トレイはミシン目入りですので、切り離すことができます。食べたい分だけ切り離し、トレイ上蓋のシールをはがしてお召し上がりください。



① 切り離す ② はがす

- khay đựng được làm mềm để bạn có thể lấy sản phẩm ra một cách dễ dàng.
- Hãy cẩn thận để không bị đứt tay bởi các cạnh sắc khi đang tách hoặc sau khi đã tách các vỉ nhựa.
- Vì khay có các đường răng cưa nên bạn có thể tách rời chúng.
- Hãy tách riêng phần bạn muốn ăn, sau đó bóc lớp màng niêm phong phía trên khay và thưởng thức.

①: Tách rời

②: Bóc ra

種類別 アイスミルク 無脂乳固形分 10.0% 乳脂肪分 3.0% 植物性脂肪分 10.0%

原材料名: 砂糖(国内製造、外国製造)、水あめ、もち米粉、乳製品、植物油、でん粉、乾燥卵白(卵を含む)、デキストリン、ローストシュガーシロップ、食塩/乳化剤、安定剤(増粘多糖類)、加工でん粉、香料、着色料(クチナシ、アナトー) 内容量: 30ml×9個
製造者: 株式会社 ロッテ 〒160-0023 東京都新宿区西新宿3-20-1 (製造所固有記号はこの面の右側面に記載)

お問い合わせ先: お客様相談室 ☎0120-106-244

●お召し上げの際はのどにつまらせないようご注意ください。

●本品はフォークが封入されていません。www.lotte.co.jp

<要冷凍> -18°C以下で保存してください。

原材料に含まれるアレルギー物質(28品目中) 卵・乳成分
●本品は小麦・大豆を含む製品と共通の設備で製造しています。

Phân loại sản phẩm: Kem sữa

Hàm lượng chất khô sữa không béo: 10.0%

Hàm lượng chất béo sữa: 3.0%

Chen

Hàm lượng chất béo thực vật: 10.0%

Thành phần: Đường (sản xuất trong nước, sản xuất nước ngoài), siro, bột gạo nếp, chế phẩm sữa, dầu thực vật, tinh bột, lòng trắng trứng khô (chứa trứng), dextrin, siro đường nướng, muối ăn/ chất nhũ hóa, chất ổn định (chất làm đặc polysaccharide), tinh bột biến tính, hương liệu, chất tạo màu (gardenia, annatto)

Khối lượng: 30ml x 9 viên

Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Lotte

3-20-1 Nishi-Shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo 160-0023, Nhật Bản (Mã số định danh nơi sản xuất được ghi ở bên phải của mặt này)

Nơi liên hệ:

Tư vấn khách hàng: 0120-106-244

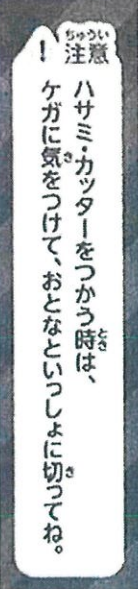
- Hãy cẩn thận để không bị nghẹn ở cổ họng khi ăn.
- Sản phẩm này không đi kèm nữa (tăm) bên trong.

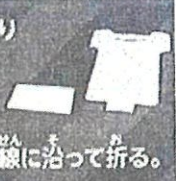
Chất gây dị ứng (trong 28 mục quy định): Trứng, thành phần sữa.

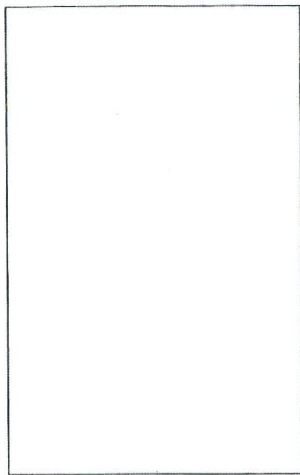
- Sản phẩm này được sản xuất trên cùng thiết bị với các sản phẩm có chứa lúa mì và đậu nành.

www.lotte.co.jp

Bảo quản dưới -18°C

	Thành phần dinh dưỡng (trong 1 viên) Năng lượng: 52kcal Chất đạm: 0,6g Chất béo: 1,8g Cacbonhydrate: 8,4g Lượng muối: 0,027g Hộp ngoài: Giấy Kha, nắp: Nilon
	Đường mở
	Chú ý: Khi sử dụng kéo, hãy cẩn thận để không bị thương và chơi cùng với người lớn nhé.

◆ハサミ ◆カッター ◆のり (またはりょうめんテープ) ようい 用意するもの つくりかた 1 切り取り線をハサミ、 カッターで切り、山折り線に沿って折る。 2 のりしろにのりをぬり、接着する。 	Vật dụng cần chuẩn bị: Kéo, dao rọc giấy, hồ dán (hoặc keo hai mặt) Cách làm - Cắt dọc theo các đường cắt bằng kéo hoặc dao rọc giấy, sau đó gấp theo các đường gấp lồi (nếp gấp núi). - Bôi keo lên các phần mép dán rồi dán chúng lại với nhau.
お店やさんごっこグッズ ガーナ ショコラアイス レジスター ミニ雪見 だいふく さいふ お財布 パニラバー北海道 おかね  くわしくはこちら！ ほかのアイテムにもあるよ！	Đồ chơi đóng vai của hàng Ghana Chocolat Ice Máy tính tiền Vanilla Bar Hokkaido Tiền đồ chơi Mini Yukimi Daifuku Ví tiền (Mã QR) Xem chi tiết tại đây Cũng có sẵn trong các loại kem khác nữa đấy!
#ロツテ工作でSNSに投稿してね！ 雪見だいふくのお財布 	Ví tiền Thỏ Yukimi Hãy đăng lên mạng xã hội với hashtag #LotteKosaku nhé!

		— Đường cắt - - - - Đường gấp núi
--	--	--

11/2/2020

Chú



Mini Lotte
Yukimi Daifuku

Tròn đầy cả tâm hồn

3 viên x 3 vỉ

Sữa kem (Ice Milk)

Gói thủ công thủ vị

Gói chia sẻ - Tiện lợi cho mọi người



LOTTE

Mini Yukimi Daifuku



4 953823 080543

製造所固有記号はこの面の右記下段に記載

<Yêu cầu đông lạnh> Bảo quản dưới -18°C
Mã số định danh nơi sản xuất được ghi ở phía dưới bên phải của mặt này.

Mã vạch 4953823080543

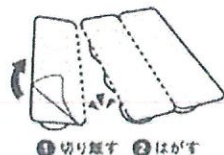
Hộp giấy bên ngoài được làm từ giấy tái chế.

- Khay đựng được làm mềm để bạn có thể lấy sản phẩm ra một cách dễ dàng.
- Hãy cẩn thận để không bị đứt tay bởi các cạnh sắc khi đang tách hoặc sau khi đã tách các vỉ nhựa.
- Vì khay có các đường răng cưa nên bạn có thể tách rời chúng.
- Hãy tách riêng phần bạn muốn ăn, sau đó bóc lớp màng niêm phong phía trên khay và thưởng thức.

①: Tách rời

②: Bóc ra

●商品が取り出しやすいようにトレーをやわらかくしています。●トレーを切り離すときや切り離した後、切り口で手を切らないようにご注意ください。●トレーはミシン目入りですので、切り離すことができます。食べたい分だけ切り離し、トレー上部のシールをはがしてお召し上がりください。



① 切り離す ② はがす

種類別 **アイスミルク** 無脂乳固形分 10.0% 乳脂肪分 3.0% 植物性脂肪分 10.0%

原材料名: 砂糖(国内製造、外国製造)、水あめ、もち米粉、乳製品、植物油、でん粉、乾燥卵白(卵を含む)、デキストリン、ローズトシュガーシロップ、食塩/乳化剤、安定剤(増粘多糖類)、加工でん粉、香料、着色料(クチナシ、アナトー) 内容量: 30ml×9個
製造者: 株式会社 ロッテ 〒160-0023 東京都新宿区西新宿3-20-1 (製造所固有記号はこの面の右側面に記載)

お問い合わせ先: お客様相談室 ☎0120-106-244

●お召し上げの際はのどにつまらせないようご注意ください。

●本品はフォークが封入されていません。www.lotte.co.jp

<要冷凍> -18℃以下で保存してください。

原材料に含まれるアレルギー物質(28品目中) 卵・乳成分

●本品は小麦・大豆を含む製品と共通の設備で製造しています。

Phân loại sản phẩm: Kem sữa

Hàm lượng chất khô sữa không béo: 10.0%

Hàm lượng chất béo sữa: 3.0%

Hàm lượng chất béo thực vật: 10.0%

Thành phần: Đường (sản xuất trong nước, sản xuất nước ngoài), siro, bột gạo nếp, chế phẩm sữa, dầu thực vật, tinh bột, lòng trắng trứng khô (chứa trứng), dextrin, siro đường nướng, muối ăn/ chất nhũ hóa, chất ổn định (chất làm đặc polysaccharide), tinh bột biến tính, hương liệu, chất tạo màu (gardenia, annatto)

Khối lượng: 30ml x 9 viên

Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Lotte

3-20-1 Nishi-Shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo 160-0023, Nhật Bản (Mã số định danh nơi sản xuất được ghi ở bên phải của mặt này)

Nơi liên hệ:

Tư vấn khách hàng: 0120-106-244

- Hãy cẩn thận để không bị nghẹn ở cổ họng khi ăn.
- Sản phẩm này không đi kèm nĩa (tăm) bên trong.

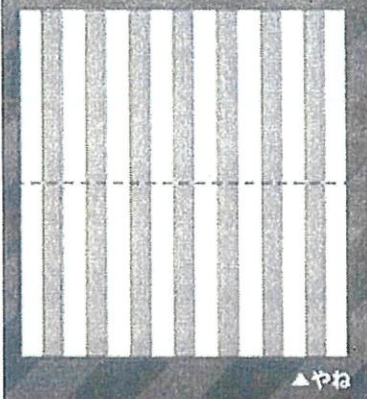
Chất gây dị ứng (trong 28 mục quy định): Trứng, thành phần sữa.

- Sản phẩm này được sản xuất trên cùng thiết bị với các sản phẩm có chứa lúa mì và đậu nành.

www.lotte.co.jp

Bảo quản dưới -18°C

栄養成分表示(1個当り) <table><tr><td>エネルギー</td><td>52kcal</td></tr><tr><td>たんぱく質</td><td>0.6g</td></tr><tr><td>脂 質</td><td>1.8g</td></tr><tr><td>炭 水 化 物</td><td>8.4g</td></tr><tr><td>食塩相当量</td><td>0.027g</td></tr></table> 紙 外箱 プラ ふた トレー	エネルギー	52kcal	たんぱく質	0.6g	脂 質	1.8g	炭 水 化 物	8.4g	食塩相当量	0.027g	Thành phần dinh dưỡng (trong 1 viên) Năng lượng: 52kcal Chất đạm: 0,6g Chất béo: 1,8g Cacbonhydrate: 8,4g Lượng muối: 0,027g Hộp ngoài: Giấy Khay, nắp: Nilon
エネルギー	52kcal										
たんぱく質	0.6g										
脂 質	1.8g										
炭 水 化 物	8.4g										
食塩相当量	0.027g										
	Đường mở										
	Chú ý: Khi sử dụng kéo, hãy cẩn thận để không bị thương và chơi cùng với người lớn nhé.										
	Cửa hàng Lotte Cùng thu thập và làm thôi! — Đường cắt - - - Đường gấp núi										
	Chú ý: Khi sử dụng kéo, hãy cẩn thận để không bị thương và chơi cùng với người lớn nhé.										
	Mép dán										

	Phần mái
用意するもの ◆ハサミ ◆のり (またはりょうめんテープ) つくりかた 1 切り取り線をハサミで切り、山折り線に沿って折る。 2 のりしろにのりをぬり、接着する。	Vật dụng cần chuẩn bị: Kéo, hồ dán (hoặc keo hai mặt) Cách làm 1. Cắt dọc theo đường cắt bằng kéo, sau đó gấp theo các đường gấp lồi (nếp gấp núi). 2. Bôi hồ vào phần mép dán và dán cố định lại.
つながるお店シリーズ ①② バニラバー北海道: お店の外側&おにわ ③ ガーナショコラアイス: お店の中 ④ ミニ雪見だいふく: アイスカート ⑤ モナ王: テーブル&ベンチ ⑥ とろ〜りれん乳三昧: かき氷屋さん	Chuỗi Cửa hàng kết nối 1 & 2. Vanilla Bar Hokkaido: Bên ngoài cửa hàng & Sân vườn 3. Ghana Chocolate Ice: Bên trong cửa hàng 4. Mini Yukimi Daifuku: Xe đẩy kem 5. Mona Ou: Bàn & Ghế băng 6. Torori Rennyu Sanmai: Tiệm đá bào
ほかのアイスにもあるよ!	Cũng có sẵn trong các loại kem khác nữa đấy!
	Xem chi tiết tại đây (Mã QR)



Mini Lotte
Yukimi Daifuku

Tròn đầy cả tâm hồn

3 viên x 3 vỉ

Sữa kem (Ice Milk)

Gói thủ công thủ vị

Gói chia sẻ - Tiện lợi cho mọi người



LOTTE

Mini Yukimi Daifuku



4 953823 080543

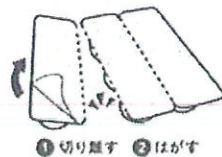
製造所固有記号はこの面の右記下段に記載

<Yêu cầu đông lạnh> Bảo quản dưới -18°C
Mã số định danh nơi sản xuất được ghi ở phía dưới bên phải của mặt này.

Mã vạch 4953823080543

Hộp giấy bên ngoài được làm từ giấy tái chế.

●商品が取り出しやすいようにトレイをやわらかくしています。●トレイを切り離すときや切り離した後、切り口で手を切らないようにご注意ください。●トレイはミシン目入りですので、切り離すことができます。食べたい分だけ切り離し、トレイ上部のシールをはがしてお召し上がりください。



- Khay đựng được làm mềm để bạn có thể lấy sản phẩm ra một cách dễ dàng.
- Hãy cẩn thận để không bị đứt tay bởi các cạnh sắc khi đang tách hoặc sau khi đã tách các vỉ nhựa.
- Vì khay có các đường răng cưa nên bạn có thể tách rời chúng.
- Hãy tách riêng phần bạn muốn ăn, sau đó bóc lớp màng niêm phong phía trên khay và thưởng thức.

①: Tách rời

②: Bóc ra

種類別 アイスミルク 無脂乳固形分 10.0% 乳脂肪分 3.0% 植物性脂肪分 10.0%

原材料名: 砂糖(国内製造、外国製造)、水あめ、もち米粉、乳製品、植物油、でん粉、乾燥卵白(卵を含む)、デキストリン、ローストシュガーシロップ、食塩/乳化剤、安定剤(増粘多糖類)、加工でん粉、香料、着色料(クチナシ、アナトー) 内容量: 30ml×9個
製造者: 株式会社 ロッテ 〒160-0023 東京都新宿区西新宿3-20-1 (製造所固有記号はこの面の右側面に記載)

お問い合わせ先: お客様相談室 ☎ 0120-106-244

●お召し上げの際はのどにつまらせないようにご注意ください。

●本品はフォークが封入されていません。www.lotte.co.jp

<要冷凍> -18°C以下で保存してください。

原材料に含まれるアレルギー物質(28品目中) 卵・乳成分

●本品は小麦・大豆を含む製品と共通の設備で製造しています。

Phân loại sản phẩm: Kem sữa

Hàm lượng chất khô sữa không béo: 10.0%

Hàm lượng chất béo sữa: 3.0%

Hàm lượng chất béo thực vật: 10.0%

Cher

Thành phần: Đường (sản xuất trong nước, sản xuất nước ngoài), siro, bột gạo nếp, chế phẩm sữa, dầu thực vật, tinh bột, lòng trắng trứng khô (chứa trứng), dextrin, siro đường nướng, muối ăn/ chất nhũ hóa, chất ổn định (chất làm đặc polysaccharide), tinh bột biến tính, hương liệu, chất tạo màu (gardenia, annatto)

Khối lượng: 30ml x 9 viên

Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Lotte

3-20-1 Nishi-Shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo 160-0023, Nhật Bản (Mã số định danh nơi sản xuất được ghi ở bên phải của mặt này)

Nơi liên hệ:

Tư vấn khách hàng: 0120-106-244

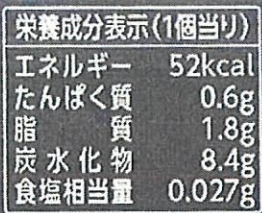
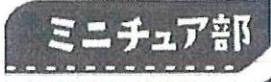
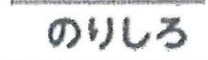
- Hãy cẩn thận để không bị nghẹn ở cổ họng khi ăn.
- Sản phẩm này không đi kèm nữa (tăm) bên trong.

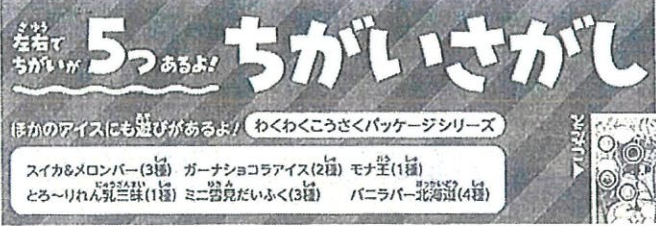
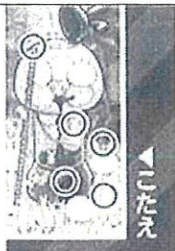
Chất gây dị ứng (trong 28 mục quy định): Trứng, thành phần sữa.

- Sản phẩm này được sản xuất trên cùng thiết bị với các sản phẩm có chứa lúa mì và đậu nành.

www.lotte.co.jp

Bảo quản dưới -18°C

 栄養成分表示(1個当り) <table><tr><td>エネルギー</td><td>52kcal</td></tr><tr><td>たんぱく質</td><td>0.6g</td></tr><tr><td>脂質</td><td>1.8g</td></tr><tr><td>炭水化物</td><td>8.4g</td></tr><tr><td>食塩相当量</td><td>0.027g</td></tr></table> 紙 外箱 プラ ぶたトレ	エネルギー	52kcal	たんぱく質	0.6g	脂質	1.8g	炭水化物	8.4g	食塩相当量	0.027g	Thành phần dinh dưỡng (trong 1 viên) Năng lượng: 52kcal Chất đạm: 0,6g Chất béo: 1,8g Cacbonhydrate: 8,4g Lượng muối: 0,027g Hộp ngoài: Giấy Khay, nắp: Nilon
エネルギー	52kcal										
たんぱく質	0.6g										
脂質	1.8g										
炭水化物	8.4g										
食塩相当量	0.027g										
 あけくち	Đường mở										
 ミニチュア部 おまごとやジオラマに! 小さい箱をつくらう!	Mô hình thu nhỏ Thích hợp để chơi trò đồ hàng hoặc làm mô hình! Hãy cùng làm một chiếc hộp nhỏ xinh nào!										
 のりしろ	Mép dán										
 くわしくはこちら! ! 注意 ハサミ・カッターをつかう時は、 ケガに気をつけて、 おとなといっしょに切ってね。	Xem chi tiết tại đây (Mã QR) Chú ý: Khi sử dụng kéo, hãy cẩn thận để không bị thương và chơi cùng với người lớn nhé.										

 5つあるよ! ちがいはがし ほかのアイスにも遊びがあるよ! わくわくこうざくパッケージシリーズ スイカ&メロンバー(3種) ガーナショコラアイス(2種) モナオ(1種) とろ〜りれん乳三昧(1種) ミニ雪見だいふく(3種) バニラバー北海道(4種)	Trò chơi Tìm điểm khác biệt Tìm 5 điểm khác biệt giữa hai hình trái và phải! Các loại kem khác cũng có trò chơi đây! (Sê-ri bao bì thủ công thủ vị) Suika & Melon Bar (3 loại) Ghana Chocolate Ice (2 loại) Mona Ou (1 loại) Totori Rennyu Sanmai (1 loại) Mini Yukimi Daifuku (3 loại) Vanilla Bar Hokkaido (4 loại)
	Câu trả lời

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Tổng Giám Đốc

OGAWA TAKAAKI

(Đã ký và đóng dấu)

Gp

4

紙 外語 95

LOTTE 雪見だいふく

Tôi, Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/08/2021; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nhật sang tiếng Việt**.

Ngày 13 tháng 03 năm 2026
Người dịch ký và ghi rõ họ tên

Cao Thị Hạnh

Ngày 13 tháng 03 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày mười ba , tháng ba , năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Vũ Mạnh Hùng* là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Bà Cao Thị Hạnh là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 02 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 20 tờ, 20 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 27840 Quyền số: 01/2026 - SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu
CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Mạnh Hùng

